TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Bản án số: 41/2017/ HNGĐ-ST Ngày 11/8/2017 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Dũng - Cán bộ hưu trí.
2. Bà Lê Thị Thu Nga - Cán bộ phòng y tế quận S.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Địa chỉ: số nhà 25 đường Hà Thị Thân, quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản, chia nợ khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Thi Th - Sinh năm: 1994 - Trú tại: số nhà K257/20 Trần Hưng Đạo, tổ 56, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hà Văn C - Sinh năm: 1994 - Trú tại: tổ 24B, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V; địa chỉ: tầng 2 tòa nhà REE Tower, số 9 đường Đoàn Văn Bơ, phường T, quận F, thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Bảo Â, địa chỉ: số nhà K294/35 đường Điện Biên Phủ, phường C, quận Th, thành phố Đà Nẵng; văn bản ủy quyền ngày 13.4.2017. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Phan Thị Thi Th trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân:

Bà và ông Hà Văn C kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn ông bà về chung sống tại nhà cha mẹ ông C ở tổ 24B phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C không lo làm ăn, chơi bời lêu lổng, không lo cho vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến giữa năm 2016 bà có gửi đơn ly hôn lên Tòa án, vì hai bên gia đình hòa giải nên bà đã rút đơn lại. Sau một thời gian ông C không thay đổi và chứng nào tật đó nên ông bà đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay về tình cảm bà xác định không còn yêu thương ông C nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

* Về con chung: Bà và ông Hà Văn C có 01 con chung, tên: Hà Thị Ngọc H - sinh ngày: 01/12/2012. Tại đơn khởi kiện bà xin được nuôi con khi ly hôn và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ; nhưng trong quá trình công khai chứng cứ và tại phiên tòa bà yêu cầu được giao con cho ông Hà Văn C nuôi. Bà sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1000.000đ.

* Về tài sản chung: Bà và ông Hà Văn C không có tài sản chung.

* Về nợ chung: Bà và ông Hà Văn C có nợ của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V. Cụ thể như sau: Vào ngày 19.9.2015 bà có đứng tên vay của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V số tiền 25,676,816 đồng, với lãi suất 3.75% tháng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền 48,231,000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng. Thực hiện hợp đồng, bà đã trả cho Công ty số tiền: 5.848.000 đồng (tính đến ngày 09.3.2016) và ngày 02.6.2017, bà tiếp tục trả số tiền 14.525.000 đồng, Công ty đã đồng ý miễn cho bà toàn bộ số tiền lãi là 11.366.937 đồng (tính đến tháng 5 năm 2017) và tiền phạt do chậm trả là 18.000.000 đồng. Vì vậy, hiện nay chỉ còn nợ Công ty số tiền 9.997.402 đồng. Mặc dù trước đây, bà yêu cầu cả hai vợ chồng cùng trả nợ mỗi người một nữa khoản nợ trên nhưng trong quá trình công khai chứng cứ và tại phiên tòa bà thay đổi ý kiến, bà đồng ý tự chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 9.997.402 đồng cho Công ty. Trong quá trình công khai chứng cứ, bà xin Công ty cho bà được trả dần số tiền trên theo phương thức: mỗi tháng trả 2.000.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi hết số nợ trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà đồng ý trả một lần toàn bộ số tiền trên cho Công ty khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Trong quá trình công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa ông Hà Văn C đều vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Hà Văn C.

- Tại bản tự khai và ý kiến trong quá trình công khai chứng cứ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V trình bày:

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2015 Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V có ký hợp đồng tín dụng số 20150919-142004-0025 với bà Phan Thị Thi Th. Theo hợp đồng Công ty cho bà Th vay số tiền 25,676,816 đồng, với lãi suất 3.75% tháng để tiêu dùng cá nhân. Bà Phan Thị Thi Th có trách nhiệm thanh toán cả gốc và lãi với số tiền là 48,231,000 đồng, trả chậm trong 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1,312,000 đồng, vào ngày 18 hàng tháng, tháng cuối cùng trả 2,311,000 đồng, bắt đầu từ ngày 01/11/2015. Bà Phan Thị Thi Th đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty được 4 lần với số tiền 5,848,000 đồng. Kể từ ngày 09/03/2016 bà Phan Thị Thi Th không thanh toán bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Vì vậy, tại bản tự khai ngày 16 tháng 5 năm 2017, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Thi Th thanh lý hợp đồng theo phương thức sau:

- Trả toàn bộ khoản nợ đến hạn: 35.889.339 (trong đó tiền gốc là 24.522.402 đồng, tiền lãi tới 5/2017 là 11.366.937 đồng).

- Phạt do trễ hạn thanh toán: 18.000.000 đồng.

Tuy nhiên vào ngày 02/06/2017 bà Phan Thị Thi Th có tiếp tục thanh toán cho Công ty được số tiền 14.525.000 đồng. Qua xem xét thiện chí trả nợ của bà Th, Công ty đồng ý miễn cho bà Th toàn bộ khoản tiền lãi 11.366.937 đồng (tính đến tháng 5 năm 2017) và khoản tiền phạt do trễ hạn thanh toán là 18.000.000 đồng. Công ty chỉ yêu cầu bà Phan Thị Thi Th thanh toán số tiền gốc còn lại là 9.997.402 đồng (chín triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm lẻ hai đồng). Công ty không yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với đương sự, bà Phan Thị Thi Th đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với nguyên đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng ông Hà Văn C liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa mà không có lý do nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V cũng vắng mặt tại các phiên tòa nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Thi Th đối với ông Hà Văn C;

* Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 giao cháu Hà Thị Ngọc H - sinh ngày: 01/12/2012 cho ông Hà Văn C trực tiếp nuôi dưỡng; bà

Phan Thị Thi Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1000.000đ cho đến khi cháu Hà Thị Ngọc H đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung: bà Phan Thị Thi Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, ông Hà Văn C lại vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

* Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V, buộc bà Phan Thị Thi Th phải trả cho Công ty số tiền gốc còn lại 9.997.402 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị Thi Th đối với ông Hà Văn C là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1.1] Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông Hà Văn C và phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V vẫn vắng mặt không có lý do nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phan Thị Thi Th và ông Hà Văn C kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Th, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa, bà Th kiên quyết xin ly hôn, còn ông C vắng mặt, không thể hiện chính kiến của mình. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương thì được biết vợ chồng ông bà hay cãi vả nhau, hàng xóm có sang hòa giải nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên mâu thuẫn. Đặc biệt từ khoảng giữa năm 2016 đến nay, hai ông bà đã sống ly thân nhau. Bà Th bỏ về nhà mẹ ruột ở, hiện chỉ còn ông C sống cùng con gái và gia đình cha mẹ ông. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai ông bà là có thật, việc ông bà sống ly thân nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, việc ông C liên tục vắng mặt tại tòa cũng thể hiện ông cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì sẽ không đạt được mục đích, Hội đồng xét xử cần căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th là phù hợp.

[3] Về con chung: bà Phan Thị Thi Th và ông Hà Văn C có 01 con chung tên: Hà Thị Ngọc H - sinh ngày: 01/12/2012. Mặc dù tại đơn khởi kiện bà Th yêu cầu

được nuôi con nhưng trong quá trình công khai chứng cứ và tại phiên tòa bà yêu cầu giao con cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, ông C thì không có mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi bà Th bỏ về nhà mẹ ruột sống, cháu Hà Thị Ngọc H vẫn sống cùng với ông C và ông bà nội, cháu phát triển bình thường. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Thi Th, giao cháu Hà Thị Ngọc H cho ông Hà Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ngọc H đủ 18 tuổi.

Xét thấy việc bà Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1000.000đ là phù hợp với pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: bà Phan Thị Thi Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, tại phiên tòa ông Hà Văn C lại vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung:

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2015 Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V có ký hợp đồng tín dụng số 20150919-142004-0025 với bà Phan Thị Thi Th. Theo đó, bà Th có vay của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V số tiền 25.676.816 đồng, với lãi suất 3.75% tháng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Th có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V cả gốc và lãi với số tiền là 48.231.000 đồng, trả chậm trong 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.312.000 đồng, vào ngày 18 hàng tháng, tháng cuối cùng trả 2,311,000 đồng, bắt đầu từ ngày 01/11/2015. Thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 09.3.2016 bà Th đã trả cho Công ty số tiền: 5.848.000 đồng và ngày 02.6.2017, bà Th tiếp tục trả số tiền 14.525.000 đồng. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V xem xét thiện chí trả nợ của bà và đã đồng ý miễn cho bà toàn bộ số tiền lãi là 11.366.937 đồng (tính đến tháng 5 năm 2017) và tiền phạt do chậm thanh toán là 18.000.000 đồng. Hiện nay bà Th chỉ còn nợ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V số tiền gốc là 9.997.402 đồng. Mặc dù trước đây, bà yêu cầu cả hai vợ chồng cùng trả nợ mỗi người một nữa khoản nợ trên nhưng trong quá trình công khai chứng cứ và tại phiên tòa bà thay đổi ý kiến, bà đồng ý tự chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc 9.997.402 đồng cho Công ty. Mặt khác, trong quá trình công khai chứng cứ, bà xin Công ty cho bà được trả dần số tiền trên theo phương thức: mỗi tháng trả 2.000.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi hết số nợ trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà đồng ý trả một lần toàn bộ số tiền trên cho Công ty khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình công khai chứng cứ, phía Công ty tài chính tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V cũng thống nhất với ý kiến của bà Th, Công ty đồng ý miễn cho bà toàn bộ số tiền lãi là 11.366.937 đồng (tính đến tháng 5 năm 2017) và tiền phạt do chậm thanh toán là 18.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà Th

phải trả số tiền gốc còn lại là 9.997.402 đồng và đồng ý với phương thức trả dần của bà Th. Công ty không yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V vắng mặt, bà Th thì đồng ý trả một lần toàn bộ số tiền gốc nói trên cho Công ty khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 buộc bà Th phải trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 9.997.402 đồng.

[5.1] Do trong quá trình công khai chứng cứ, Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V có ý kiến không yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" bà Phan Thị Thi Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000đ và án phí Dân sự sơ thẩm là 499.870đ; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình 300.000đ bà Th đã nộp tại biên lai thu số 01599 ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Bà Phan Thị Thi Th còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 499.870đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Thi Th đối với ông Hà Văn C.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Thi Th được ly hôn với ông Hà Văn C.

2. Về con chung: Giao cho ông Hà Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Thị Ngọc H - sinh năm: 2012 cho đến khi cháu Hà Thị Ngọc H đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị Thi Th về việc cấp dưỡng nuôi cháu Hà Thị Ngọc H mỗi tháng 1000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về nợ chung: Buộc bà Phan Thị Thi Th phải trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V số tiền 9.997.402 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: án phí Hôn nhân gia đình là 300.000đ và án phí Dân sự sơ thẩm là 499.870đ bà Phan Thị Thi Th phải chịu; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình 300.000đ bà Th đã nộp tại biên lai thu số 01599 ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Bà Phan Thị Thi Th còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 499.870đ.

Án xử công khai sơ thẩm, bà Phan Thị Thi Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Hà Văn C và Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát quận S
- Những người tham gia tố tụng
- Ủy ban nhân dân phường M
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Phước Hòa